Nghiên cứu
Gia đình và Giới
Số 4 - 2009

Quan hệ gia đình: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

Ngô Thị Tuấn Dung
Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích các nghiên cứu trong và ngoài nước trong thời gian gần đây, tác giả tập trung làm rõ một số vấn đề lí luận, tiếp cận và thách thức trong nghiên cứu quan hệ gia đình. Đó là các nội dung như chủ thể, chiều cạnh, quá trình, yếu tố tác động, các đặc điểm và xu hướng biến đổi quan hệ gia đình dưới ảnh hưởng giai đoạn chuyển đổi trong thập kỉ qua. Việc xem xét các yếu tố tác động như cấu trúc kinh tế, nhân khẩu, nghèo đói, nhận thức, văn hoá, lối sống, đặc điểm cá nhân cho thấy các mẫu hình gia đình ở Việt Nam rất đa dạng, thuộc nhiều nhóm dân tộc khác nhau với đặc trưng quan hệ, sắc thái riêng biệt. Hiện có nhiều yếu tố mang tính áp lực đang tác động tới mức độ gắn kết các quan hệ gia đình và là thách thức lớn đối với việc duy trì, củng cố độ bền quan hệ hôn nhân, chất lượng sống và an toàn của các thành viên nói chung. Bài viết cũng gợi mở một số chủ đề, khía cạnh cần tiếp tục quan tâm nghiên cứu.

Từ khóa: Gia đình; Quan hệ gia đình; Tiếp cận nghiên cứu gia đình.

1. Một số cách tiếp cận phân tích quan hệ gia đình trong hiện đại hoá và phát triển

Gia đình được coi như một đơn vị sinh học- xã hội đặc thù (nhóm xã hội được hình thành và phát triển dựa trên quan hệ hôn nhân, huyết thống) và như thiết chế xã hội (đơn vị phân tích xã hội). So với nhiều nhóm xã

hội khác, quan hệ gia đình có một số nét đặc trưng và khác biệt về độ dài tồn tại của các quan hệ (vợ chồng, hoặc anh - chị - em), về mối quan hệ tương tác, liên kết đa chiều cạnh giữa các thế hệ (theo chiều ngang và dọc), và chứa đựng hai loại quan hệ đặc biệt bao gồm sự hấp dẫn qua hôn nhân và quan hệ máu mủ ruột thịt (các nhóm xã hội khác chỉ dựa trên mối quan hệ hấp dẫn thành viên). Gia đình cũng là nhóm xã hội duy nhất điều tiết và hợp pháp hoá quan hệ hành vi tình dục. Các quan hệ liên thế hệ ở gia đình thường được điều tiết bởi các chuẩn mực về tái sinh sản, giống nòi và hôn nhân (White và Klein, 2002). Ngoài ra, gia đình còn là một phần của loại quan hệ ở tổ chức xã hội rộng lớn hơn - đó là quan hệ thân tộc, họ hàng. Gia đình được tổ chức bởi các chuẩn mực thiết chế, gắn bó chặt chẽ với cấu trúc họ hàng, thân tộc. Đặc biệt, gia đình hiện thân như một đơn vị có những mối liên hệ gắn kết cả với quá khứ và tương lai, và là nhóm xã hội, nơi những xúc cảm mạnh mẽ như sự thuỷ chung, tình yêu, sự tận tâm, cam kết và chia sẻ được thể hiện trực tiếp, rõ ràng và được kì vọng rất mạnh mẽ giữa vợ chồng và các thành viên khác v.v... (White J. M, 2005).

Tương tự như khái niệm "gia đình", khá nhiều thách thức nảy sinh khi bàn luận về nội hàm, phạm vi nghiên cứu, phân tích về "các quan hệ gia đình". Chẳng hạn, về khái niệm "quan hệ gia đình", có nghiên cứu sử dụng từ "liên minh" giữa vợ và chồng (giữa "những người lớn khác giới tính") để chỉ quan hệ gia đình. Quan điểm khác lại cho rằng quan hệ hai thế hệ cha mẹ - con cái mới là quan hệ gia đình. Có nghiên cứu sử dụng thuật ngữ "quan hệ gia đình" gồm liên minh giữa hai người trưởng thành mà không có con cái v.v... Các vấn đề, quan hệ gia đình thường rất phức tạp (đa chiều cạnh, phức hợp...) và có tính biểu trưng cao.

Cho đến nay, ở nước ngoài có nhiều lý thuyết đi sâu bàn luận về các vấn đề gia đình, đặc biệt là quan hệ, động thái gia đình (quan hệ vợ - chồng, liên thế hệ...), quan hệ dòng tộc, họ hàng, mở rộng mạng lưới xã hội bên ngoài phạm vi gia đình. Mỗi lý thuyết đều hướng tới trọng tâm phân tích riêng. Các quan điểm lý thuyết giúp tích luỹ thông tin và định hướng cho các nghiên cứu thực nghiệm, so sánh, khái quát về các kiểu, loại quan hệ gia đình. Dưới đây trình bày khái quát về một số lý thuyết chính, thường được sử dụng (tách riêng hoặc liên ngành) nhằm tìm hiểu, lý giải, và dự báo về những chiều cạnh biến đổi đa dạng của quan hệ gia đình trong quá trình hiện đại hoá (Vern L Bengston, Alan C. Acord Katherine R Allen et al., 2005; White Jame M., 2005; Thomas R. Chibucos, Randall W Leiter, 2005; Cheal David et al., 2003; White and Klein, 2002...).

Quan điểm lý thuyết chức năng chủ yếu tập trung tìm hiểu về đặc điểm các cấu trúc xã hội hiện tại (thiết chế gia đình và các thiết chế xã hội), tìm

kiếm những phương thức tác động nhằm đạt được những mục tiêu và hiệu quả (thực hiện các chức năng cơ bản của gia đình...). Những yếu tố cấu trúc bao gồm cách thức các mối quan hệ được sắp đặt/ ràng buộc (bình đẳng hoặc bất bình đẳng), năng lực thích ứng, duy trì, bảo tồn quan hệ ở những thời điểm nhất định (khi rủi ro, chia tách..), đặc điểm thành tố cấu trúc gia đình (quy mô, độ tuổi, giới tính, vị thế hôn nhân của thành viên...) và bối cảnh cấu trúc ở phạm vi rộng hơn xã hội/cộng đồng/quốc tế – có nghĩa là đặc điểm tổ chức của tác nhân, thiết chế bên ngoài gia đình (ví dụ, pháp lý, kinh tế, dịch vụ xã hội, thể chế xã hội (giá trị, chuẩn mực, tập tục …) ảnh hưởng chi phối quan trọng đến việc điều chỉnh diễn biến quan hệ gia đình. Cấu trúc gia đình, đi kèm theo là quan hệ gia đình, biến đổi dưới ảnh hưởng tác động của các thiết chế xã hội, theo thời gian và không gian phát triển cụ thể. Nhìn chung, quan điểm này thiên về xem xét ảnh hưởng các yếu tố cấu trúc đến các quan hệ gia đình hơn là đến chính bản thân quá trình diễn tiến của các quan hệ gia đình.

Lý thuyết tương tác biểu trưng tập trung tìm hiểu về những ý nghĩa, vai trò, cách thức mỗi chủ thể thể hiện bản sắc cá nhân trong quá trình tương tác và quan hệ với thành viên khác ở gia đình. Chẳng hạn, làm sáng tỏ quá trình các thành viên gia đình/ thành viên tiềm năng (gia nhập, thích ứng với gia đình mới..) tham gia vào quá trình giao tiếp, cùng nhau sáng tạo ra những ý nghĩa, giá trị (thông qua những chứng cứ, ngôn ngữ hội thoại giữa các thành viên gia đình..), và định hình, xây dựng những hướng dẫn cho các quan hệ ngôn ngữ, cách thức giao tiếp, phương thức biểu đạt, kiến tạo nên thực tiễn quan hệ gia đình (chuẩn mực, giá trị văn hoá...), đặc biệt chú ý đến ngữ cảnh gia đình, theo từng thời điểm và không gian nhất định. Theo đó, quan điểm này thiên về xem xét nội tại đời sống gia đình (khung cảnh vi mô) và coi sự thay đổi quan hệ nội tại gia đình (quá trình giao tiếp, việc xác định, duy trì chuẩn mực, hành vi ứng xử ...) là nguyên nhân, động lực chính tạo ra sự thay đổi của gia đình hơn là do ảnh hưởng của các yếu tố, tác nhân bên ngoài.

Lý thuyết về đường đời và phát triển gia đình chú ý đến những diễn biến quan hệ trong quá trình tồn tại của gia đình, từ khi bắt đầu hình thành (bao gồm giai đoạn tiền hôn nhân) và biến đổi theo từng giai đoạn phát triển (mở rộng - sinh con, chia tách (con cái trưởng thành, li hôn hoặc rơi vào cảnh goá bụa..), với những biểu hiện đặc trưng cấu trúc nhất định. Theo đó, quan tâm phân tích về những đặc điểm, thái độ, hành vi của cá nhân, sự thay đổi của các cá nhân và ảnh hưởng của sự kiện, giá trị, kinh nghiệm gia đình đối với từng cá nhân thành viên và các yếu tố ảnh hưởng hoặc định hình thay đổi quan hệ gia đình ở các giai đoạn khác nhau.

Lý thuyết xung đột xã hội tập trung tìm hiểu khía cạnh xúc cảm, hành

vi của quan hệ gia đình. Những biểu hiện xúc cảm và hành vi tiêu cực trong quan hệ gia đình nảy sinh trong quá trình các thành viên phải đương đầu với những khác biệt hoặc bất đồng về quan niệm, lối sống... Những xung đột này thường là mang tính chức năng và không tránh khỏi trong các quan hệ, do tình trạng bất bình đẳng về quyền lực, nguồn lực, trong phân công lao động, do khác biệt về quan niệm, lối sống, văn hoá.. và có thể có ý nghĩa tích cực hoặc đem lại hậu quả tiêu cực cho các thành viên. Một số loại quan hệ xung đột thường bị các thành viên né tránh hoặc bỏ qua ở gia đình, do rất nhiều nguyên nhân (quan niệm, nhận thức, tập tục văn hoá...). Xung đột trong các quan hệ gia đình thường được thể hiện theo kiểu "người thắng - kẻ thua", và có thể được xử lý theo nhiều cách khác nhau. Bạo lực gia đình là một dạng biểu hiện xung đột tiêu cực nhất, đặc biệt ảnh hưởng đến những cá nhân ở vị trí yếu thế trong mối quan hệ tương tác liên nhân cách (phụ nữ, trẻ em, người ốm, người già...). Điều quan tâm chính là phải nghiên cứu và xác định các cách thức, chiến lược nhằm quản lý xung đột, đặc biệt thông qua tăng cường củng cố quá trình, kĩ năng thương lượng, trao đổi tương tác giữa các thành viên.

Lý thuyết trao đổi chú trọng đến hoạt động của các thành viên gia đình (thể hiện qua một loạt các trao đổi về giá trị), theo đó các cá nhân tham gia quan hệ gia đình thường thực hiện những cuộc thương lượng và trao đổi các ý nghĩa "có giá trị". Trong trao đổi tương tác, thông thường phí tổn mà thành viên này sẽ trao thưởng cho thành viên khác sẽ được thực hiện theo quan niệm "công bằng" hoặc "không công bằng" (giá trị tương đương). Do các quan hệ gia đình có xu hướng được hình thành và trải qua quá trình phát triển khá lâu dài, vì vậy, các trao đổi này được cho là sẽ "tương đối đủ" để trao thưởng cho mọi thành viên và các thành viên sẽ luôn cân nhắc, tính toán đến "cái giá", lợi ích của việc phải thay đổi hoặc chấm dứt các quan hệ. Các bên tham gia quan hệ thường "tính toán và trao đổi" dựa trên những tín hiệu, thông tin thu được, thực tế khả năng tiếp cận, những cam kết về việc bổ sung hoặc đầu tư nguồn lực cụ thể (về vật chất, tình cảm, tinh thần...) nhằm tạo ra kết quả hài lòng, sự thoả mãn cho các bên. Sự trao đổi giữa các thành viên gia đình luôn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của những quan điểm đạo đức - xã hội về tính "phù hợp" hoặc "không phù hợp" của sự trao đổi, của các nghi thức xã hội, tập tục văn hoá... ở những bối cảnh, điều kiện xã hội nhất định, hoặc thay đổi theo thời gian và không gian của gia đình.

Các quan điểm lý thuyết nữ quyền/ giới, tập trung xem xét ảnh hưởng quan hệ, vai trò giới và tình dục đến bối cảnh đời sống và quan hệ gia đình, đặc biệt chú ý vận dụng những ý tưởng của quan điểm lý thuyết xung đột (vai trò giới) hoặc lý thuyết tương tác biểu trưng... để lý giải về nguyên

nhân bất bình đẳng giới, vốn bắt rễ và được duy trì bởi các quan hệ ở gia đình (thể hiện qua quan niệm, kì vọng, nhận thức, thực tiễn sự phân công lao động gia đình theo giới tính, sự tiếp cận và sử dụng các nguồn lực (sở hữu tài sản, sử dụng thời gian...), các hoạt động chăm sóc, vị thế phụ nữ ở gia đình v.v...

Quan điểm tâm lý học - xã hội quan tâm đến khía cạnh xúc cảm của quan hệ gia đình, cụ thể, xem xét về sự hài lòng, thoả mãn hoặc hiện tượng stress nảy sinh trong mối quan hệ tương tác giữa cá nhân với gia đình và cấu trúc xã hội hoặc những mâu thuẫn thể hiện trong quan hệ tương tác liên cá nhân với nhau. Những điều kiện, hiệu quả các quan hệ thay đổi trong bối cảnh đường đời con người, trong quan hệ cha mẹ - con cái, trong các hoạt động chăm sóc được chú ý xem xét. Chẳng hạn, quan điểm này cho rằng, mối quan hệ giữa bà mẹ cao tuổi và các con gái đã có gia đình có thể ở dạng những xúc cảm pha trộn, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các quan niệm đạo đức - xã hội và trong nhiều trường hợp có thể tạo ra những mâu thuẫn trong các quan hệ gia đình. Trong quan hệ chăm sóc, người phụ nữ lớn tuổi có gia đình có thể sẽ cảm nhận áp lực của bổn phận chăm sóc khác nhau đối với cha - mẹ ruột và cha - mẹ chồng và hoạt động chăm sóc của người phụ nữ như một chức năng/ hoặc thiên hướng, luôn chịu ảnh hưởng của quan hệ văn hoá-xã hội/ ảnh hưởng giới mạnh mẽ hơn nam giới.

Lý thuyết hệ thống gia đình xem xét quan hệ gia đình là một tập hợp các quan hệ riêng rẽ và mọi quan hệ này gắn kết với nhau theo một cách thức nhất định, trong đó mỗi bộ phận đều nhằm phục vụ duy trì sự hoà hợp của cả hệ thống. Theo đó, các quá trình của gia đình chuyển động và biến đổi, và thường khởi đầu từ các bộ phận riêng biệt của hệ thống. Tuy nhiên quan điểm này dường như mang tính mô tả hơn là đi sâu diễn giải về cách thức gia đình vận hành, tồn tại, và giúp chỉ ra nguyên nhân vì sao gia đình không phát triển, những nguyên nhân gây nên tình trạng thiếu ổn định, thất bại của gia đình.

Quan điểm lý thuyết xã hội xem xét, khẳng định về ý nghĩa và tầm quan trọng của gia đình từ góc độ sản sinh, kiến tạo ra các loại vốn khác nhau như vốn vật chất, vốn nhân lực, vốn xã hội (White. J. M., 2005: dẫn Bourdieu, 1986; Coleman, 1990). Vốn xã hội được nảy sinh thông qua các quan hệ gia đình và góp phần thúc đẩy, thay đổi các hoạt động đa dạng ở gia đình..., thể hiện ở một số thành tố quan trọng và nổi bật như: mức độ gần gũi/ sự gắn bó, sự ổn định và hệ tư tưởng (các giá trị, văn hoá gia đình...). Thành tố thứ nhất là điểm đặc biệt quan trọng. Mức độ gần gũi của quan hệ tạo nên sự tin cậy giữa các chủ thể thành viên, trên cơ sở đó, các thành viên sẽ cùng nhau tạo ra, tăng cường thích ứng, thực hiện các

chuẩn mực văn hoá, ứng xử chung, và liên đới chịu ảnh hưởng tác nhân bên ngoài hoặc chia sẻ hậu quả, rủi ro có thể nảy sinh... Thành tố quan trọng thứ hai của vốn xã hội là khả năng, năng lực duy trì sự ổn định gia đình. Để duy trì quan hệ gia đình ổn định, mỗi chủ thể thành viên đều cần có vị trí, vai trò, tiếng nói nhất định, và nỗ lực duy trì liên hệ tương hỗ với cá nhân khác và các quan hệ này không lệ thuộc vào một bên. Thành tố thứ ba là các thành viên quan hệ gia đình cần đáp ứng nhu cầu về hệ tư tưởng chung của gia đình, theo đó, các chủ thể gắn kết, chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm với nhau vì mục tiêu lợi ích tập thể của gia đình hơn là cho riêng bản thân mỗi cá nhân và khắc phục những mặt trái như chủ nghĩa cá nhân vị kỉ, sự biệt lập... Đặc biệt, đối với trẻ em, các quan hệ gia đình (sự gần gũi, tình yêu thương của cha mẹ, của ông bà với trẻ em...) giúp tạo ra nguồn vốn xã hội quan trọng nhất, qua đó cung cấp cho trẻ những cơ hội, sự chọn lựa khác nhau nhằm phát triển tri thức, kĩ năng cần thiết trong cuộc sống. Vốn xã hội thể hiện qua mối quan hệ tích cực, bền chặt giữa cha mẹ và con cái là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với phát triển lành mạnh của trẻ em. Sự ổn định của quan hệ gia đình (quan hệ tích cực giữa cha, mẹ, và với con cái, ông bà - cháu chắt) góp phần củng cố sự tin cậy, cảm giác an toàn ở trẻ em, là yếu tố tích cực bảo vệ trẻ khỏi stress hoặc hành vi lệch chuẩn trong mối quan hệ với trẻ em hoặc người khác, vv.

Quan điểm lý thuyết về sự gắn kết giữa cá nhân và xã hội, tập trung phân tích một số kiểu loại quan hệ ở các giai đoạn phát triển khác nhau của gia đình nhằm lý giải rõ hơn về đời sống hàng ngày của con người và về bản chất của các mối quan hệ gia đình. Chẳng hạn, quan điểm này xem xét bản chất các loại quan hệ giữa anh - chị - em ở tuổi ấu thơ trong gia đình và sự biến đổi quan hệ giữa họ với nhau khi cha mẹ ngày càng già đi; các kiểu loại tương tác ("kép" hoặc đa chiều giữa các thành viên). Câu hỏi đặt ra là liệu quan hệ này có phải là "kiến tạo xã hội" hay là "sinh học, huyết thống" thuần tuý, các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến các quan hệ này theo thời gian, không gian, và văn hoá như thế nào? Những kỳ vọng, diễn biến và yếu tố tác động đến quan hệ anh - chị - em theo chu trình sống ở gia đình ra sao?... Chẳng hạn, sự kỳ vọng về mối quan hệ đặc biệt này có thể vừa mang tính quan hệ máu mủ, ruột thịt, tự nguyện... vừa mang tính xã hội, cộng đồng (như một dạng mạng lưới, tương hỗ về nguồn lực tinh thần và vật chất... cho thành viên trong mạng lưới khi cần thiết).

Lý thuyết sinh thái học về mối quan hệ giữa gia đình - môi trường, chú trọng xem xét ảnh hưởng các nguồn lực tự nhiên /con người (cộng đồng, hàng xóm, mạng lưới xã hội...) đến đời sống và mối quan hệ của các thành viên gia đình, xem xét quá trình tiến hoá, biến đổi gia đình, khả năng gia đình thích ứng với các yếu tố sinh học - xã hội.. để có thể tồn tục và phát

triển qua nhiều thế hệ.

Như vậy, có thể nói một trong những trọng tâm cơ bản của nghiên cứu quan hệ gia đình chính là tập trung tìm hiểu, lý giải về *vai trò, sự tham gia của các chủ thể* (có thể là 1 cá nhân, nhóm tương tác 2 người, hoặc quan hệ đa chiều cạnh) vào việc thiết lập, duy trì các kiểu loại tương tác, xác định khi nào chủ thể là một bộ phận độc lập, thuộc về/hoặc đại diện toàn thể gia đình, các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến gia đình và ngược lại - các quan hệ gia đình ảnh hưởng đáng kể đến xã hội và môi trường bên ngoài.

Nghiên cứu về quan hệ gia đình cũng khẳng định tầm quan trọng, cần thiết chú ý những yếu tố *cấu trúc*. Cấu trúc gia đình, sự vận động biến đổi các quan hệ, lối sống... theo thời gian chính là sự phản ánh rõ ràng nhất về các cách thức gia đình đáp ứng đối với những nguồn lực, cơ hội kinh tế, xã hội trong quá trình phát triển. Ngược lại, gia đình biến đổi cũng phản ánh thực tế những xu hướng, cấu trúc xã hội đã và đang ảnh hưởng đến những áp lực, cơ hội kinh tế xã hội, vốn đi kèm với những thay đổi về hệ giá trị xã hội trong quá trình phát triển. Những tác nhân bên ngoài có tầm quan trọng ảnh hưởng đến cách thức hành động của từng cá nhân ở gia đình, nghĩa là phản ảnh mối quan hệ tương tác rộng lớn hơn giữa gia đình và xã hội, những nguyên nhân, sự khác biệt thay đổi theo thời gian và ở không gian, hoàn cảnh cụ thể.. , qua những quan niệm và suy nghĩ của các nhóm khách thể khác nhau. Sự tồn tại những giá trị, chuẩn mực xã hội, các điều kiện kinh tế - xã hội, ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ đến đặc điểm, động thái tương tác ở gia đình.

Ngoài ra, nghiên cứu quan hệ gia đình chú trọng đến *"quá trình"* diễn biến thay đổi các quan hệ - cách thức tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các thành viên, theo thời gian và cấu trúc, các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình và ngược lại, ảnh hưởng của cấu trúc đến quá trình tương tác, các nguyên nhân và kết quả của quan hệ gia đình, ví dụ, theo các giai đoạn phát triển, tuỳ thuộc đặc điểm nền văn hoá, hoặc điều kiện nhóm xã hội, giai tầng khác nhau.

Thách thức chính trong nghiên cứu là những vấn đề quan hệ gia đình thường có tính chất rất phức tạp, đan chéo và mang tính biểu trưng cao. Điều này phần nào tạo ra những khó khăn trong lý luận cũng như lựa chọn, sử dụng khung phân tích với hệ thống chỉ báo nhằm giải thích về bản chất, động thái thay đổi các quan hệ gia đình và mức độ ảnh hưởng của chúng đến các thành viên - với tư cách vừa là chủ thể và vừa là tác nhân chịu ảnh hưởng của các quan hệ tương tác, cả bên trong và ngoài phạm vi gia đình. Việc chọn lựa chỉ báo nào đó để đo lường cũng chỉ giúp phân tích một số

chiều cạnh, biểu hiện khác nhau của quan hệ gia đình/lĩnh vực hoạt động. Ví dụ, sự ổn định, chất lượng của mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái có ảnh hưởng quan trọng đến kết quả học tập, sự phát triển tâm lý lành mạnh của trẻ em; sự thay đổi về bản chất quan hệ gia đình (theo hướng bình đẳng hơn giữa các thành viên...) tác động đến quan niệm, nhìn nhận về trẻ em, cách thức nuôi dạy, chăm sóc cũng như tạo điều kiện cho trẻ em phát triển lành mạnh...

2. Một số nét biến đổi quan hệ gia đình ở Việt Nam hiện nay

Trong thập kỉ qua, ở Việt Nam, các mối quan hệ gia đình đã được nghiên cứu, xem xét từ góc độ chuyên ngành hay liên ngành và từ các hướng tiếp cận khác nhau. Phần dưới đây khái quát một số đặc điểm, xu hướng phát triển quan hệ gia đình Việt Nam qua một số kết quả nghiên cứu quy mô lớn gần đây, trên cơ sở đó gợi mở một số khía cạnh cần tiếp tục quan tâm.

Đặc điểm cấu trúc, quy mô gia đình Việt Nam

Mặc dù phương pháp, số mẫu điều tra có khác nhau, song kết quả một số điều tra quốc gia định kì về hộ gia đình như VHLSS 1998, 2006 và Điều tra gia đình Việt Nam 2006 (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan khác, 2008) có thể giúp nhận diện một số đặc điểm nhân khẩu cơ bản, cấu trúc và loại hình hộ gia đình Việt Nam. Số liệu khảo sát VHLSS cho thấy phần lớn hộ gia đình Việt Nam hiện tại là gia đình hạt nhân gồm hai thế hệ (chiếm 73%). Gia đình 3 thế hệ trở lên – gia đình mở rộng chiếm khoảng 19%. Loại hình gia đình thiếu khuyết (cha, mẹ đơn thân, hộ độc thân khác) chiếm khoảng 8%. Về nơi cư trú, mặc dù số hộ gia đình sống ở khu vực thành thị đã tăng lên, song hầu hết hộ gia đình Việt Nam vẫn sinh sống ở khu vực nông thôn- chiếm 73% (Lee Sunhwa, 2006).

Số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 (Bộ VH, TT&DL và cơ quan khác, 2008) cho thấy cùng một xu hướng cấu trúc gia đình, mặc dù tỷ lệ cụ thể có khác nhau. Gia đình hạt nhân chỉ chiếm 63,4%, trong đó khu vực thành thị - 60,6% và nông thôn - 64,5%. Tỉ lệ gia đình 3 thế hệ trở lên là 23%, trong đó thành thị là 25%, cao hơn nông thôn. Tỉ lệ hộ gia đình đơn hệ (chỉ có cha mẹ, hoặc con cái) chiếm 9,9%, trong đó ở thành thị là 8,8% và nông thôn là 10,3%.

Về quy mô hộ gia đình, kết quả các cuộc điều tra lớn ở cấp quốc gia đều cho thấy quy mô gia đình ở đô thị nhỏ hơn so với ở nông thôn. Theo kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, trung bình quy mô hộ gia đình là gần 4,4 người, trong đó ở thành thị là 4,3 và nông thôn là 4,4 người. Số liệu điều tra về thanh thiếu niên SAVY 2003 (Bộ Y tế và cơ quan khác,

2005) cũng xác nhận một xu hướng tương tự.

Một số động thái thay đổi (cấu trúc và quy mô nhân khẩu gia đình), khác biệt về điều kiện sinh sống, cư trú, tình trạng nghèo đói, văn hoá có ảnh hưởng và chi phối đặc điểm quan hệ gia đình ở các loại hình gia đình khác nhau, đặc biệt ở một số loại hình gia đình (gia đình thiếu khuyết, chỉ có cha hoặc mẹ, li hôn, li thân, di cư).

Tỉ lệ gia đình hạt nhân chiếm số đông tác động làm thay đổi hình mẫu quan hệ vợ chồng hoặc quan hệ cha mẹ - con cái (gia tăng tính tự chủ, năng động hơn trong quan hệ giữa vợ và chồng, chăm sóc con cái, ít chịu áp lực ảnh hưởng thế hệ ông bà) song có thể gặp nhiều khó khăn về trợ giúp, chăm sóc con cái, đặc biệt là trẻ lứa tuổi nhỏ). Tình trạng di cư (cha hoặc mẹ) gia tăng hoặc nạn nghèo đói cũng làm biến đổi hình mẫu quan hệ thế hệ (ông bà - con cháu), hoặc tình trạng ông bà/người chăm sóc khác có thể là "cha mẹ thay thế" chăm sóc trẻ trong một khoảng thời gian và tạo ra những tác động xã hội khác nhau đến quan hệ vợ - chồng hoặc sự tương tác giữa các thành viên và phát triển của trẻ em ở gia đình.

Quan hệ vợ - chồng

Quan hệ hôn nhân vợ chồng được coi là nền tảng và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hài lòng, hạnh phúc, độ bền vững và phát triển các thành viên gia đình. Phần lớn các phân tích về đặc điểm, động thái quan hệ của hôn nhân - vợ chồng bắt đầu theo chu trình gia đình từ giai đoạn tiền hôn nhân - thông qua quá trình tìm hiểu và chọn lựa bạn đời, quyết định tiến tới hôn nhân, độ dài hôn nhân, mức độ hài lòng về đời sống hôn nhân, vợ chồng và những yếu tố ảnh hưởng như nhận thức, học vấn cá nhân hoặc môi trường điều kiện sống, giai tầng, văn hoá xã hội...

Xu hướng tự chủ, tự do chọn lựa bạn đời, quyết định tiến tới hôn nhân với sự đồng thuận cha mẹ của các cặp vợ chồng được khẳng định ở nhiều nghiên cứu (Nguyễn Hữu Minh và các tác giả, 2008). Tỉ lệ thanh niên sống riêng sau khi lập gia đình tăng lên. Những đặc điểm này thể hiện nền tảng cơ bản và xu hướng tích cực trong quan hệ hôn nhân.

Mối quan hệ vợ - chồng trong cuộc sống gia đình thể hiện ở nhiều khía cạnh/lĩnh vực gia đình như chi tiêu, quản lý, quyết định về tiền bạc, công việc, việc nhà, quan hệ tình cảm vợ chồng, chăm sóc giáo dục con cái... Một số nghiên cứu về gia đình, phụ nữ ở quy mô khác nhau (Viện KHXH VN - Viện Gia đình và Giới, 2007, 2008; Bộ VH, TT & DL và cơ quan khác, 2008; UBQG Vì sự tiến bộ Phụ nữ, 2002; VKHXHVN, 2004-2006...) cho thấy một số điểm đáng lưu ý về mối quan hệ vợ - chồng ở gia đình Việt Nam hiện nay. Xu hướng bình đẳng trong quan hệ vợ chồng tăng

lên đáng kể, thể hiện ở một số mặt như sở hữu, đứng tên tài sản, quyền ra quyết định, trong tiếp cận sử dụng, phân bổ nguồn lực gia đình.

Tuy nhiên, sự thay đổi trong phân công lao động theo giới tính vẫn khá chậm chạp ở gia đình. Bên cạnh những thay đổi lớn như tỉ lệ thời gian lao động nữ tham gia lao động, sản xuất kinh doanh là tương đương với nam (năm 2002 là 4,8 giờ và 5 giờ), song số thời gian làm công việc nội trợ ở gia đình của lao động nữ cao gấp 2,5 lần so với nam ở khu vực thành thị và 2,3 lần ở khu vực nông thôn (Viện KHXHVN-Viện Gia đình và Giới, 2007: dẫn UBQG Vì sự tiến bộ Phụ nữ, 2002). Việc nhà vẫn chủ yếu là công việc phụ nữ. Công việc gia đình chủ yếu là chăm sóc trẻ em, người ốm, người già, người tàn tật. Việc chăm sóc này là do phụ nữ ở hơn nửa số gia đình khảo sát năm 2005 đảm nhận (VKHXHVN, 2004-2006). Đặc biệt, những người vợ có trình độ học vấn thấp phải làm việc nhà nhiều hơn, nỗ lực vất vả hơn so với người vợ có học vấn cao (Viện KHXHVN - Viện Gia đình và Giới, 2007: dẫn TTNCPN, 2006). Nhìn chung, sự tham gia của nam giới vào công việc nội trợ không tăng đáng kể và tương xứng với sự gia tăng phụ nữ trên thị trường lao động. Gánh nặng lao động "kép", với quĩ thời gian hạn hẹp, sức khoẻ thấp hơn,.. vẫn là trở ngại, hạn chế phụ nữ phát triển năng lực, kinh nghiệm, và đời sống văn hoá tinh thần. Chính việc chưa lượng giá, lượng giá không đầy đủ được giá trị công việc nội trợ làm cho xã hội, các nhà làm chính sách chưa nhận thức đầy đủ và thu hút hỗ trợ, đầu tư thỏa đáng đúng mức từ nam giới và xã hội nói chung.

Nạn bạo lực giữa vợ chồng vẫn là vấn đề xã hội bức xúc, thường xảy ra ở các gia đình, cả nông thôn và thành thị. Một số nghiên cứu quy mô lớn gần đây đã đề cập thực trạng bạo lực, hình thức, mức độ phổ biến, cách thức xử lý và hậu quả ảnh hưởng đến chất lượng quan hệ ở gia đình (Bộ Y tế và các cơ quan khác, 2005; Viện KHXHVN, 2004-2006; VKHXHVN - Viện Gia đình và Giới, 2007; Bộ VH, TT & DL và cơ quan khác, 2008).

Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy tỉ lệ người vợ bị bạo lực cao hơn ở một số hình thức như - chồng đánh cao hơn - 9,2% so với vợ đánh chồng -1,7%; chồng chửi vợ - 41% và vợ chửi chồng - 22,7%. Tỉ lệ bạo lực thường xảy ra ở nhóm nghèo, trình độ học vấn thấp. Hình thức khác của bạo lực là giận dỗi, im lặng, nữ chiếm tỉ lệ cao hơn 71,1% và nam - 45,1% và không có khác biệt giữa thành thị hay nông thôn. Tình trạng ép buộc tình dục của chồng với vợ cũng đáng lưu ý, chiếm 19,6%, và vợ đối với chồng - 4,2%, trong đó, người vợ thuộc nhóm nghèo chịu ép buộc nhiều hơn (23,2%, còn nhóm giàu là 16%, ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị).

Cách thức xử lý của vợ/chồng về bạo lực là khác nhau, trong đó phổ

biến và tích cực hơn là vợ hoặc chồng chủ động, cả hai vợ chồng cùng tự làm lành với nhau. Tuy vậy, có khoảng 40% cặp vợ chồng không giải quyết trực diện, mà để lâu dần cho qua và nguy cơ tiềm ẩn mâu thuẫn có thể vẫn dai dẳng tồn tại. Chỉ có khoảng 4,3% vợ chồng nhờ cậy người thân, bạn bè, chính quyền đoàn thể can thiệp.

Các kết quả này trùng hợp với một số nghiên cứu quy mô nhỏ khác, khẳng định tình trạng phổ biến và nạn nhân chủ yếu của bạo lực gia đình là phụ nữ. Điều đó đòi hỏi sự chú ý làm rõ nguyên nhân, nguồn gốc cơ sở giới, hậu quả của nạn bạo lực giữa vợ và chồng (mâu thuẫn kinh tế, nghèo đói, tệ nạn rượu chè, thói gia trưởng, ngoại tình, áp lực sinh con trai ...) và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và can thiệp tích cực hơn (về nghiên cứu, pháp lý, dịch vụ hỗ trợ, nguồn lực, giám sát)...

Một số nghiên cứu và kết quả thống kê về những vấn đề/quan hệ liên thế hệ (cha mẹ - con cái, ông bà - cháu chắt) ở gia đình, phụ nữ và trẻ em... được tăng cường trong thời gian gần đây góp phần tăng cường cơ sở dữ liệu, thông tin, sự hiểu biết, giúp nhận diện rõ ràng hơn về những động thái quan hệ hôn nhân gia đình trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội mạnh mẽ ở Việt Nam.

Trong quá trình hiện đại hoá, mặc dù gia đình Việt Nam chia sẻ nhiều điểm chung song các mẫu hình gia đình là đa dạng, thuộc nhiều nhóm dân tộc khác nhau với đặc trưng quan hệ, sắc thái riêng biệt và chịu ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau, cả trong và bên ngoài gia đình. Nhiều yếu tố áp lực (điều kiện cấu trúc kinh tế, nhân khẩu, nghèo đói, tư tưởng, nhận thức, văn hoá, lối sống, đặc điểm cá nhân..) tác động tới mức độ gắn kết quan hệ gia đình và là thách thức lớn đối với việc duy trì, củng cố độ bền quan hệ hôn nhân, chất lượng sống và an toàn của các thành viên nói chung.

3. Một số vấn đề cần quan tâm

Nhằm đánh giá hoặc dự báo biến đổi các quan hệ ở các điều kiện khác nhau và cung cấp căn cứ, gợi mở định hướng, đề xuất những chính sách xã hội nhằm cải thiện mối quan hệ, chất lượng sống của các thành viên (nam, nữ) gia đình, ở bối cảnh trong hoặc ngoài phạm vi gia đình hoặc đối với các loại hình gia đình cụ thể trong quá trình phát triển, cần tiếp tục quan tâm một số vấn đề:

- Tăng cường nền tảng cơ sở lý luận, hệ thống hoá phương pháp luận, phương pháp, công cụ nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu thực nghiệm, so sánh (hoàn thiện hệ thống chỉ báo) về một số kiểu loại hình, quan hệ tương tác, sự gắn kết gia đình (đa chiều cạnh) ở nhiều lĩnh vực/hoạt động hôn nhân gia đình, theo khu vực, nhóm xã hội.

- Bên cạnh việc duy trì các khảo sát quy mô, định kì về gia đình, chú trọng nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống hơn về đặc trưng quan hệ tương tác gia đình (quan hệ tiền - hôn nhân, quan hệ cha mẹ - con cái vị thành niên, hoạt động kinh tế, chăm sóc nuôi dưỡng ở gia đình...), trên cơ sở đó khuyến nghị những chính sách, chế độ an sinh xã hội phù hợp, thân thiện hơn với mỗi kiểu, loại gia đình (gia đình trẻ, nhóm nghèo, nhóm cao tuổi, gia đình thiếu khuyết (li hôn, di cư...), gia đình có yếu tố nước ngoài, dân tộc...

- Nghiên cứu, đánh giá tác động áp dụng Luật pháp, quy định liên quan đến gia đình, trẻ em... đối với việc duy trì và phát triển quan hệ gia đình lành mạnh, có văn hoá... trong giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ sang kinh tế thị trường và hội nhập.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận, bài học kinh nghiệm ngoài nước về hệ thống dịch vụ xã hội (hỗ trợ pháp luật, tư vấn, giáo dục truyền thông tiền hôn nhân, kĩ năng làm cha mẹ, y tế - chăm sóc sức khoẻ gia đình, tâm lý trị liệu gia đình...), nhằm góp phần thiết thực đáp ứng nhu cầu, duy trì chất lượng và ổn định quan hệ gia đình.■

Tài liệu tham khảo

Bộ KH-CN. 2006. Báo cáo Khuyến nghị Đề tài độc lập cấp nhà nước *"Nghiên cứu những giải pháp tăng cường vai trò gia đình trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta"*. Chủ nhiệm đề tài: Đặng Cảnh Khanh.

Bộ VH, TT & DL, Cục VH-TT cơ sở. 2007. *Di cư và các vấn đề xã hội có liên quan trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*. H.: Nxb. VHDT.

Bộ VH, TT & DL, UNICEF, Viện Gia đình và Giới. 2008. *Báo cáo kết quả điều tra Gia đình Việt Nam 2006*. Hà Nội.

Cheal David et al..2003. *Critical concepts of sociology*. Vol. N 1, 2, 3, 4. Routledge.

Ferguson Susan J. 2001. *Shifting the center: Understanding contemporary families*. Mayfields Publishing company.

Hà Thị Minh Khương. 2006. "*Sự hài lòng về cuộc sống gia đình sau hôn nhân và qua điểm về một gia đình hạnh phúc"* trong Kỉ yếu khoa học- Kết quả nghiên cứu khảo sát 2005-2007. Dự án nghiên cứu liên ngành" Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi"(VIE-RDE-05). H.: Nxb. KHXH.

Nguyễn Hữu Minh và các tác giả. 2008. Báo cáo khoa học thường niên*"Gia đình Việt Nam- những vấn đề đặt ra"*. Viện Gia đình và Giới. Mai Quỳnh Nam (Chủ biên). 2002. *Gia đình trong tấm gương xã hội học*. H.: Nxb. KHXHVN.

Mai Huy Bích. 2003. *Xã hội học gia đình*. H.: Nxb. KHXH.

Lee Sunhwa. 2006. *A gender analysis of Vietnam household living standard survey 2004*. World Bank.

SIDA-Viện XHH. 2007. Kỉ yếu khoa học- Kết quả nghiên cứu khảo sát 2005-2007. Dự án nghiên cứu liên ngành" Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi"(VIE-RDE-05). H.: Nxb. KHXH.

TCDS-KHHGD,Viện NCDS và Phát triển. 2008. Báo cáo kết quả Dự án Điều tra cơ bản "*Thực trạng mối quan hệ gia đình giữa các thế hệ trong gia đình Việt Nam hiện nay"*. Chủ nhiệm dự án: Trần Văn Chiến.

Thomas R Chibucos, Randall W Leiter. 2005. *Readings in family theory*. Sage Publications, Inc.

Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh (chủ biên). 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. H.: Nxb. KHXH.

UBDS-GD-TE, Viện KHĐSGTE. 2005. Báo cáo kết quả đề tài cấp Bộ "*Nghiên cứu nhu cầu dịch vụ gia đình Việt Nam trong thời kì đổi mới*". Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Đức Mạnh.

UBDS-GD-TE. 2006. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ "*Nghiên cứu đặc thù gia đình Việt Nam truyền thống để xây dựng gia đình Việt Nam trọng giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá"*. Các tác giả: Ngô Thị Ngọc Anh, Lê Ngọc Văn và Hoàng Thị Tây Ninh.

UBDS-GĐ-TE. 2004. Báo cáo"*Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay.* Hà Nội.

Vern L Bengston, Alan C. Acord Katherine, R Allen et all..(ed). 2005. *Source book of family theory and research*. Sage Publications, Inc.

VKHXHVN 2004-2006. Số liệu đề tài "*Điều tra cơ bản về bình đẳng giới và tác động của chính sách đối với phụ nữ, nam giới nhằm phục vụ cho công tác hoạch định chính sách (2004-2006)"*.

VKHXHVN-Viện Gia đình và Giới. 2007. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ "*Những vấn đề lý luận cơ bản về giới và kinh nghiệm giải quyết vấn đề giới ở một số quốc gia"*. Chủ nhiệm đề tài: Ngô Thị Tuấn Dung.

VKHXHVN-Viện Gia đình và Giới. 2008. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ "*Quan niệm, nhận thức về hôn nhân gia đình của các thế hệ Việt Nam ở vùng Đồng bằng Bắc bộ"*. Chủ nhiệm đề tài: GS. Lê Thi.

Vũ Tuấn Huy. 2003. *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*. H.: Nxb. KHXH.

White and Klein. 2002. *Family theories*. Thousands Oaks, Inc, NY.

White, J M. 2005. *Advancing family theories*. Sage Publications, Inc.